

Xy lanh nhỏ gọn ADN-40- -

Số bộ phận: 536288

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	1 mm...400 mm
Ø pít tông	40 mm
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu Giảm chấn vị trí cuối bằng khí nén tự điều chỉnh
Vị trí lắp đặt	bất kì
Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 21287
Cấu trúc xây dựng	Pít tông Cần piston Ổng định hình
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	Phê duyệt bảo vệ EX (ATEX) Các kim loại có đồng, kẽm hoặc niken là thành phần chính không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây. Điều chỉnh hành trình mở rộng Điều chỉnh trực mở ra/tiến lên Chống bắn tung tóe Ren trong trên thanh piston Ty pít tông với lực giác ngoài Mô-đun để đạt đến vị trí cuối xác định trong trường hợp áp suất bị lỗi Lực bên tăng Bảo vệ chống ăn mòn cao Chống bụi Thanh piston gia cố Đồng đều, chuyển động chậm Ít ma sát Ty pít tông liền mạch Ty pít tông rỗng liền mạch Phạm vi nhiệt độ 0 đến + 150 °C Phạm vi nhiệt độ -40 đến + 80 °C Dẫn hướng pít tông PTFE bổ sung
Áp suất vận hành	0.06 MPA...1 MPA 0.6 bar...10 bar
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB) EPL Gb (GB)

Đặc tính	Giá trị
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 1 (UKEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 21 (UKEX) Vùng 22 (ATEX)
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIC T4 Gb
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIIC T120°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	-20°C ≤ Ta ≤ +60°C
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn 2 - bị ăn mòn vừa phải 3 - ứng suất ăn mòn mạnh
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L VDMA24364 Vùng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-40 °C...120 °C
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	686 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống	686 N...754 N
Trọng lượng bổ sung cho mỗi 10 mm chiều dài thanh pít-tông	9 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi 10 mm kéo dài ren thanh pít-tông	6 g
Kiểu gắn	tùy ý: với lỗ xuyên với ren trong với phụ kiện
Cổng nối khí nén	G1/8
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vít cố vật liệu	Thép
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu thanh piston	thép hợp kim
Vật liệu vỏ xy lanh	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa mịn